

**CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI PHONG ENGINEERING AND TECHNOLOGY SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107786001

**3. Ngày thành lập:** 31/03/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ngõ 1 đường Bùi Xương Trạch, Tổ 6, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0439983229

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                 | 2829        |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                        | 3313        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                        | 3314        |
| 4.  | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)     | 3315        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                        | 3319        |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                       | 3320        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                            | 4652        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                               | 4659        |
| 9.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                   | 5210        |
| 10. | Xuất bản phần mềm                                                                             | 5820(Chính) |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                           | 6202        |
| 12. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                     | 2816        |
| 13. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) | 2817        |
| 14. | Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén                                         | 2818        |
| 15. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                          | 2825        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                               | 4322        |
| 17. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                | 2630        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                            | 2640        |
| 19. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                | 2651        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                      | 2710 |
| 21. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                         | 2790 |
| 22. | Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)                                                              | 2811 |
| 23. | Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu                                                                                      | 2812 |
| 24. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                          | 2813 |
| 25. | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                        | 2814 |
| 26. | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                              | 2815 |
| 27. | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                        | 2819 |
| 28. | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                                                              | 2821 |
| 29. | Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại                                                                                       | 2822 |
| 30. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                          | 3312 |
| 31. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                               | 4100 |
| 32. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                        | 4220 |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                          | 4290 |
| 34. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329 |
| 36. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                      | 4330 |
| 37. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                 | 4390 |
| 38. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                  | 4530 |
| 39. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                 | 4542 |
| 40. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                               | 4543 |
| 41. | Cổng thông tin                                                                                                                      | 6312 |
| 42. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
| 43. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý,                                                                                      | 4610 |
| 44. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                  | 4649 |
| 45. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                 | 4651 |
| 46. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                              | 4653 |
| 47. | Lập trình máy vi tính                                                                                                               | 6201 |
| 48. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                     | 6209 |
| 49. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                  | 6311 |

**6. Vốn điều lệ:** 600.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN TUẤN THANH | Tổ 11, Phường Bắc Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                  | 360.000.000           | 60,000    | 037085000495                                                                                                                                      |         |
| 2   | BÙI THỊ THU HÀ    | Tổ 5, Phường Bắc Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                   | 240.000.000           | 40,000    | 164311974                                                                                                                                         |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/10/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037085000495

Ngày cấp: 23/02/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 11, Phường Bắc Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 6, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội